

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO-HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC-LIÊN THÔNG- KHÓA 2014**  
**NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC CN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

| TT | HK | TT/<br>HK | MMH      | TÊN MÔN HỌC                           | TC<br>LT | TC<br>TH | SỐ TIẾT | KHOA PHỤ TRÁCH    |
|----|----|-----------|----------|---------------------------------------|----------|----------|---------|-------------------|
| 1  | 1  | 1         | EDUC1201 | KỸ NĂNG HỌC TẬP                       | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 2  | 1  | 2         | BIOT1202 | PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CNSH              | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 3  | 2  | 1         | BIOT2301 | CÔNG NGHỆ PROTEIN-ENZYME              | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 4  | 2  | 2         | ACCO1301 | NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN                     | 3        |          | 45      | KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN |
| 5  | 3  | 1         | BIOT2303 | CÔNG NGHỆ GEN                         | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 6  | 3  | 2         | BIOT2305 | QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ CNSH            | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 7  | 3  | 3         | BIOT2203 | CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG               | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 8  | 4  | 1         | BIOT3301 | THỐNG KÊ SINH HỌC                     | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 9  | 4  | 2         | BIOT3302 | KỸ THUẬT PHÂN TÍCH VI SINH VẬT        | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 10 | 4  | 3         | BIOT3307 | DI TRUYỀN HỌC                         | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 11 | 4  | 4         | BIOT3303 | ỨNG DỤNG TIN HỌC TRONG CNSH           | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 12 | 4  | 5         | BIOT3304 | ỨNG DỤNG CNSH THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG | 3        |          | 45      | CNSH              |
| 13 | 5  | 1         | BIOT3201 | MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG      | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 14 | 5  | 2         | BIOT4202 | DINH DƯỠNG CỘNG ĐỒNG                  | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 15 | 5  | 3         | BIOT3207 | SEMINAR CHUYÊN NGÀNH                  | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 16 | 5  | 4         | BIOT3306 | KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG                   | 2        | 1        | 60      | CNSH              |
| 17 | 5  | 5         | BIOT3205 | QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG                    | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 18 | 5  | 6         | BIOT3206 | SẢN XUẤT SẠCH HƠN                     | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 19 | 6  | 1         | BIOT4205 | ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG          | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 20 | 6  | 2         | BIOT4206 | KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG      | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 21 | 6  | 3         | BIOT4207 | LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG         | 2        |          | 30      | CNSH              |
| 22 | 6  | 4         | BIOT4303 | QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN        | 3        |          | 45      | CNSH              |
| 23 | 6  | 5         | BIOT4404 | QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG     | 3        | 1        | 75      | CNSH              |
| 24 | 6  | 6         | BIOT4499 | THỰC TẬP CHUYÊN ĐỀ                    |          | 4        | 8       | CNSH              |

\* Thứ tự các môn học có thể thay đổi cho phù hợp với thời khóa biểu của mỗi lớp học.